

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI



(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 27 tháng 10 năm 2009)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (UPCOM) CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký giao dịch số:/ĐKGD do Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng. . . năm . . .)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : (061) 3 832 225 Fax: (061) 3 831 259
Website: dongnai-port.com Email: dongnai-port@vnn.vn

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3 824 2897 Fax: (08) 3 824 4259

CN Nguyễn Công Trứ - Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn

Địa chỉ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3 821 8567 Fax: (08) 3 291 0574

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** Số điện thoại: (061)6608606
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 27 tháng 10 năm 2009)

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
Loại cổ phiếu:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng đăng ký giao dịch:	5.145.000 (Năm triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn) cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký giao dịch:	51.450.000.000 (Năm mươi một tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm Toán DTL

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P.Đakao, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: 08.38275026

Fax: 08.38275027

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

❖ **Hội sở**

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8.38242897

Fax: 84-8.38242997

Email: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

❖ **Chi nhánh Nguyễn Công Trứ (tại Thành phố Hồ Chí Minh)**

92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8.38 218 567

Fax: 84-8.32 910 574

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế:	1
2. Rủi ro đặc thù:	1
3. Rủi ro về pháp luật:.....	1
4. Rủi ro trong cạnh tranh	1
5. Rủi ro khác:.....	1
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	1
1. Tổ chức đăng ký giao dịch – Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.....	1
2. Tổ chức cam kết hỗ trợ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn.....	2
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	3
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	4
2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	7
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	9
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch; danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch đến ngày 31/12/2008:	10
5. Hoạt động kinh doanh:	11
6. Kế hoạch phát triển kinh doanh:	12
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:.....	12
8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:.....	12
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:.....	13
10. Chính sách đối với người lao động:	14
11. Chính sách cổ tức:.....	15
12. Tình hình hoạt động tài chính:.....	15
13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	18
14. Tài sản:	25
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo:	26
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch	30
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	30
V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	31
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	34
1. Tổ chức đăng ký:	34
2. Tổ chức kiểm toán:	34
PHỤ LỤC.....	37

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong thời gian vừa qua đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Thêm vào đó, việc giá vật tư, xăng dầu, nguyên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, đồng thời doanh nghiệp cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh để có thể đứng vững trong quá trình hội nhập. Do đó, rủi ro về kinh tế cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro đặc thù:

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải gặp nhiều khó khăn.

Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh đến việc kinh doanh khai thác cảng.

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai...gây thiệt hại về đường xá; gây ra khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

3. Rủi ro về pháp luật:

Hiện nay, ngành vận tải là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, hệ thống luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh, có thể dẫn đến thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

4. Rủi ro trong cạnh tranh

Với việc Việt Nam chính thức gia nhập WTO, chắc chắn sự giao lưu, trao đổi hàng hoá giữa nước ta và các quốc gia khác trên thế giới sẽ tăng lên rất nhiều so với hiện tại. Đây là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng. Tuy nhiên, sự cạnh tranh về giá cước dịch vụ giữa các Cảng trong khu vực sẽ gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự gia tăng về số lượng Cảng mới hình thành cũng như việc mở rộng hợp tác kinh doanh, liên doanh với đối tác nước ngoài của các doanh nghiệp trong ngành sẽ làm hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn. Sự cạnh tranh tạo ra mức cước phí rẻ hơn, do vậy đây có thể là nhân tố làm ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp.

5. Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của nhiều rủi ro bất khả kháng như: biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh thiên tai, bệnh dịch...Những rủi ro này có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch – Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Ông **Nguyễn Mạnh Tiến**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà **Nguyễn Thị Bạch Mai**

Chức vụ: Tổng Giám đốc



Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
Bà Vòng Thị Thúy Phượng	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Ông: Nguyễn Hồng Nam	Chức vụ: Giám đốc Điều hành
----------------------	-----------------------------

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. **“Công ty”** : Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
2. **“Bản công bố thông tin”**: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
3. **“Cổ phần”**: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
4. **“Cổ phiếu”**: Chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
5. **“Cổ đông”**: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty.
6. **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt/hoặc bằng cổ phiếu, hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
7. **“Đại Hội đồng cổ đông”**: là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
8. **“Hội đồng Quản trị”**: là Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
9. **“Ban Kiểm soát”**: là Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
10. **“Ban Tổng Giám đốc”**: là Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
11. **“Vốn điều lệ”**: là vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
12. **“Tổ chức chào bán”**: là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
13. **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty Kiểm toán DTL
14. **Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản công bố thông tin này có nội dung như sau:**
 - ĐHĐCĐ : Đại Hội đồng Cổ đông.
 - HĐQT : Hội đồng Quản trị.
 - BKS : Ban Kiểm soát.
 - BTGD : Ban Tổng Giám đốc.
 - CBCNV : Cán bộ công nhân viên.
 - SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán
 - BHXH : Bảo hiểm xã hội
 - CNĐKKD : Chứng nhận đăng ký kinh doanh
 - TSCĐ : Tài sản cố định
 - TNCN : Thu nhập cá nhân

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1 Giới thiệu về Công ty

Tên Công Ty: Công ty Cổ Phần Cảng Đồng Nai
Tên Tiếng Anh: Dong Nai Port Joint Stock Company
Tên Viết Tắt: Dong Nai Port



Logo Công ty:

Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (061) 3 832 225 Fax: (061) 3 831 259
Website: dongnai-port.com

Giấy chứng nhận ĐKKD số 4703000301 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04/01/2006, thay đổi lần thứ 02 ngày 27 tháng 10 năm 2009.

Vốn điều lệ: 51.450.000.000 (Năm mươi một tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai bao gồm:

- Kinh doanh và khai thác cầu cảng, kho bãi;
- Dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp và vận tải;
- Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt, dầu nhờn;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; nông sản (trừ hạt điều, bông vải); sắt, thép; gỗ tròn (từ nguồn gỗ hợp pháp);
- Vận chuyển hành khách bằng taxi;
- Tổ chức các dịch vụ giải trí cho thuyền viên (cửa hàng miễn thuế, câu lạc bộ thủy thủ);
- Khảo sát thiết kế và thi công công trình thủy (cảng, cầu cảng, đường giao thông trong cảng);
- Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất.

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

a) Lịch sử hình thành:

- Tiền thân của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là Cảng Đồng Nai là một xí nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải Đồng Nai, được thành lập ngày 06/06/1989 theo Quyết định số 714/QĐUBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
- Thực hiện Nghị định 388/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 28/06/1995 UBND tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 1367/QĐUBT chính thức thành lập Doanh nghiệp nhà nước Cảng Đồng Nai trực thuộc Sở Giao thông vận tải Đồng Nai.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa các Doanh nghiệp nhà nước, ngày 04/01/2006 Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu.

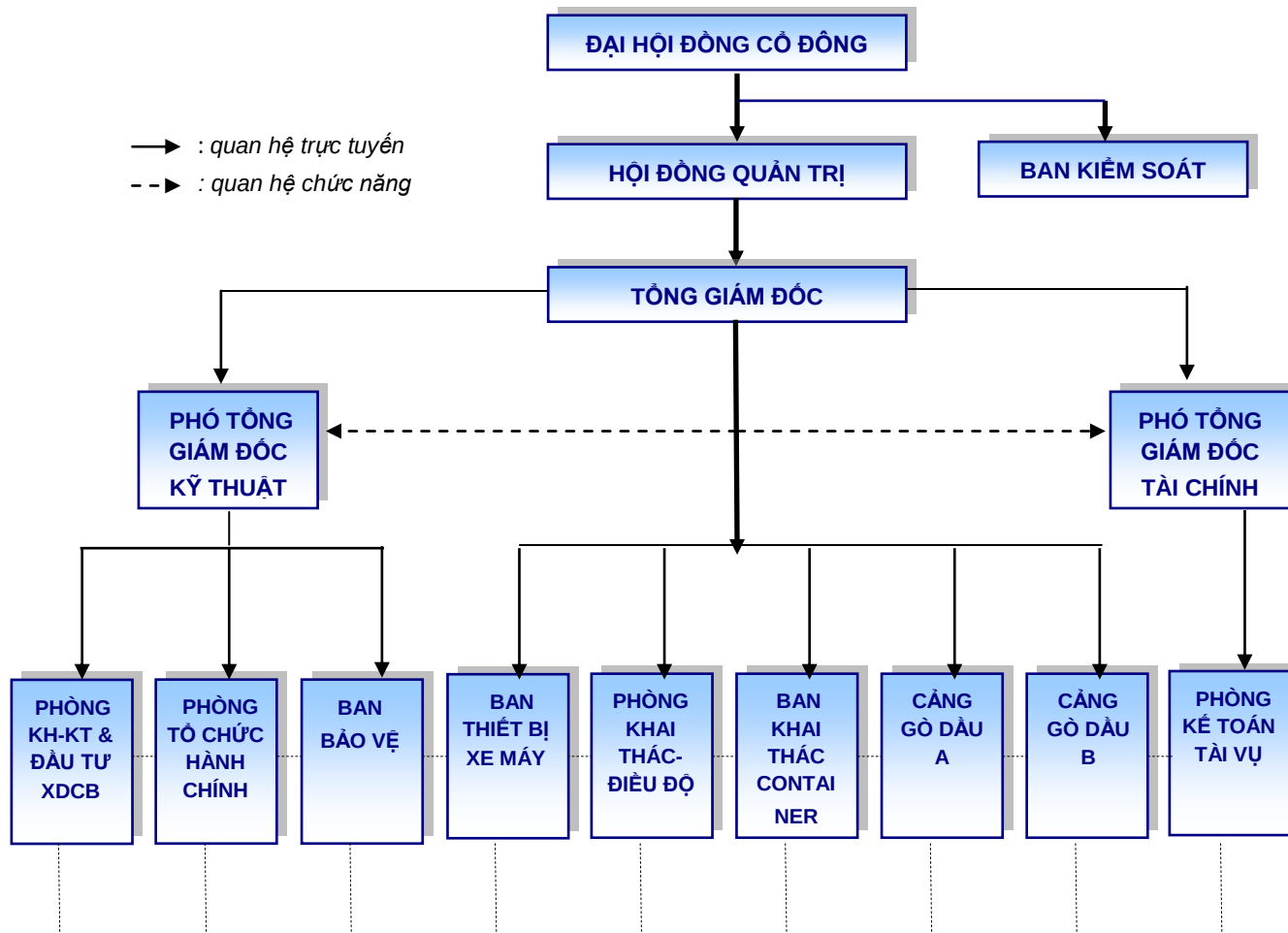
b) Quá trình phát triển:

- Lúc thành lập năm 1989, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và cung ứng các dịch vụ xếp dỡ tại khu vực Long Bình Tân. Phương tiện khai thác lúc bấy giờ chỉ có: 9 ha diện tích mặt bằng; 400 m chiều dài mặt tiền sông; một cầu cảng dài 60 m; một bến sà lan; 2 nhà kho với tổng diện tích là 2.160 m²; 02 cần cầu; 01 xe tải nặng; 01 xe nâng và 01 ca nô.
- Năm 1995, Công ty được giao 02 khu đất để phát triển cảng là Cảng Gò Dầu A và Cảng Gò Dầu B (trên sông Thị Vải) tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, trong đó:
 - Khu Cảng Gò Dầu A: diện tích 16,3 ha, chiều dài mặt tiền sông là 350 m.
 - Khu Cảng Gò Dầu B: diện tích 22 ha, chiều dài mặt tiền sông là 1.000 m.
- Giữa năm 1996, Công ty đã tiến hành xây dựng và hoàn thành một phân đoạn của cầu cảng 5.000 DWT của khu Cảng Gò Dầu A và đưa vào khai thác cầu cảng A1 dài 30 m, 02 phao neo tiếp nhận tàu trong và ngoài nước có trọng tải đến 3.000 DWT.
- Giữa năm 1997, Công ty tiếp tục đầu tư và đưa vào khai thác cầu cảng Bến B1 dài 58 m, có thể tiếp nhận tàu biển có trọng tải đến 5.000 DWT của khu Cảng Gò Dầu B.
- Tháng 9/1998, hoàn thành đưa vào khai thác cầu cảng Bến B2 có chiều dài 120 m, có khả năng tiếp nhận tàu biển có trọng tải đến 12.000 DWT của khu Cảng Gò Dầu B.
- Qua quá trình đầu tư và phát triển, đến thời điểm hiện nay khu vực Cảng Long Bình Tân đã có tổng cộng là 03 cầu cảng cho tàu và sà lan cập bến làm hàng, cầu cảng lớn nhất có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 5.000 DWT. Khu vực Cảng Gò Dầu A có 3 cầu cảng, trong đó cầu tàu A2 có chiều dài 110 m cho tàu có trọng tải 10.000 DWT cập bến. Khu vực Cảng Gò Dầu B cũng có 3 cầu cảng, trong đó: cầu cảng B3 có chiều dài 105 m, 01 trụ và và 01 cầu dẫn 30 m để tiếp nhận tàu có trọng tải lên đến 15.000 DWT.
- Hiện nay, Công ty đang đầu tư mở rộng Cảng Long Bình Tân: đầu tư mới và nâng cấp cầu cảng, bãi container, thiết bị xếp dỡ container.
- Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 51,4 tỷ đồng với quá trình tăng vốn từ khi công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

Thời gian	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị tăng (VND)	Căn cứ pháp lý
Khi thành lập: Từ 04/01/2006 Đến 28/02/2008	34.990.000.000	-	- Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4703000301 do Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/01/2006 (Giấy phép cấp có ghi VDL là 49.000.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ là 34.990.000.000 đồng theo phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước); - Quyết định số: 3004/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án và chuyển Cảng Đồng Nai thành Công ty Cổ phần ngày 24/08/2005.

Thời gian	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị tăng (VND)	Căn cứ pháp lý
Đợt 1: Từ 29/02/2008 Đến 29/06/2008	49.000.000.000	14.010.000.000	- Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4703000301 do Sở KHĐT tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/01/2006; - Quyết định số: 3004/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án và chuyển Cảng Đồng Nai thành Công ty Cổ phần ngày 24/08/2005; - Cv số 223/UBCK-GCN v/v chứng nhận chào bán cp tăng vốn điều lệ lên 49 tỷ đồng; - Báo cáo kết quả phát hành cp tăng vốn điều lệ lên 49 tỷ đồng.
Đợt 2: Từ 30/06/2008 Đến nay	51.450.000.000	2.450.000.000	- Giấy Chứng nhận ĐKKD số 3600334112 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29/07/2009; - Cv số 1074/UBCK-QLPH v/v phát hành cổ phiếu thưởng; - Báo cáo kết quả phát hành cp thưởng ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 51,4 tỷ đồng.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại Hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại Hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người hỗ trợ cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. Công ty hiện có 02 Phó Tổng Giám đốc:

- 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế hoạch và đầu tư;
- 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính.

Nhiệm vụ và chức năng của các phòng ban Công ty

06 Phòng chức năng:

- *Phòng Kế hoạch Kỹ thuật:* Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc lập kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng cơ bản và kỹ thuật xây dựng cơ bản của Công ty theo từng thời kỳ.
- *Ban Thiết bị xe máy:* Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý các phương tiện thiết bị xe máy. Chuẩn bị, đảm bảo kỹ thuật sao cho tất cả các loại xe máy, thiết bị xếp dỡ khác của Công ty luôn hoạt động tốt, phục vụ kịp thời cho toàn bộ hoạt động kinh doanh trong phạm vi Công ty và các cảng trực thuộc.
- *Ban Khai thác container:* Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc hoạch định, tổ chức, khai thác container.
- *Phòng Tổ chức hành chính:* Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tổ chức nhân sự - hành chính – quản trị, đảm bảo các điều kiện làm việc cho Văn phòng Cảng, quản lý lao động trong toàn Công ty.
- *Phòng Kế toán tài vụ:* Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tài chính và hạch toán kế toán nhằm giám sát, phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của mọi hoạt động trong các bộ phận thuộc Công ty, như quản lý tài sản, quản lý nguồn vốn; khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, phòng còn có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc các kế hoạch huy động vốn để phục vụ cho nhu cầu phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.
- *Phòng Khai thác – Điều độ:* Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực:
 - + Tiếp thị, thực hiện cung ứng các dịch vụ hàng hải, kho bãi, bến, vận tải, giao nhận... trên cơ sở quy hoạch khai thác cầu cảng, bến bãi, kho hàng, phương tiện thiết bị của Công ty.
 - + Lập kế hoạch sản xuất đối với từng tàu/ từng loại hàng, xây dựng thành quy trình xếp dỡ cho từng loại hàng để triển khai áp dụng.
 - + Tiếp nhận thông tin, nhu cầu của khách hàng, lịch phương tiện đến và đi, thông báo lịch tàu và kế hoạch tiếp nhận tàu cho Điều độ cùng với nhu cầu phương tiện thiết bị, nhân lực để thực hiện kế hoạch đó và gửi cho các phòng Thiết bị xe máy chuẩn bị và phòng Điều độ triển khai thực hiện kế hoạch.
 - + Thuê các phương tiện thiết bị và nhân lực bổ sung kế hoạch làm hàng trong trường hợp các phương tiện thiết bị và nhân lực phòng Thiết bị xe máy không bố trí đủ.
 - + Tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong toàn Công ty.
- *Ban Bảo vệ:* Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý công tác an ninh nội bộ.

02 Cảng trực thuộc: là bộ phận giúp việc cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tiếp thị, tổ chức khai thác cầu, bến, kho bãi, cung ứng các dịch vụ của Công ty.

- *Cảng Gò Dầu A*

Địa chỉ: Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- *Cảng Gò Dầu B*

Địa chỉ: Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Tổ chức bộ máy quản lý của Cảng theo cơ cấu tổ chức kiểu trực tuyến – chức năng gồm 02 cấp:

- Cấp quản lý Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- Cấp quản lý các phòng nghiệp vụ và các cảng trực thuộc gồm có Trưởng phòng/Giám đốc và các Phó phòng/Phó Giám đốc.

Tại các cảng trực thuộc có các bộ phận hỗ trợ cho Giám đốc Cảng, bao gồm :

- Ban Hành chính – Bảo vệ
- Ban Khai thác – Điều độ
- Ban Kế toán tài vụ

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm chốt danh sách cổ đông 20/01/2010

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại 20/01/2010

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	2.623.950	51,00%
02	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	709.301	13,78%
	Cộng	3.333.251	64,78%
<i>Nguồn: Công ty CP Cảng Đồng Nai</i>			

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 20/01/2010

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	Cộng		
01	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa. - Đại diện: + Bà Nguyễn Thị Bạch Mai: 1.080.450 cổ phần (21%). + Ông Đỗ Văn Sâm: 514.500 cổ phần (10%). + Bà Nguyễn Thị Hạnh: 514.500 cổ	2.623.950	51,00%

	phần (10%). + Bà Nguyễn Thị Kim Chi: 514.500 cổ phần (10%).		
02	Quỹ Đầu tư Phát triển	192.710	3,75%
03	Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	73.500	1,45%
<i>Nguồn: Công ty CP Cảng Đồng Nai</i>			

(Cổ đông sáng lập không còn hạn chế chuyển nhượng từ 04/01/2009)

3.3 Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 10/12/2009

Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai là Công ty mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Tính đến ngày 20/01/2010, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

Bảng 3: Cơ cấu vốn cổ phần tại 20/01/2010

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông trong nước	154	5.145.000	100,00%
	+ Cá nhân	144	1.140.829	22,17%
	+ Tổ chức	10	4.004.171	77,83%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	154	5.145.000	100,00%

Nguồn: Công ty CP Cảng Đồng Nai

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch; danh sách những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch đến ngày 31/12/2009:

4.1. Công ty mẹ:

Tên: Công ty Phát triển KCN Biên Hòa. Vốn điều lệ: 1.581 tỷ đồng

Đ/c: Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai

Số ĐT: 061.38860570 Fax: 061.38860573

Email: management@sonadezi.com.vn; Website: <http://www.sonadezi.com.vn>

Ngành nghề kinh doanh:

- * Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư;
- * Dịch vụ du lịch, kinh doanh nhà hàng, khách sạn, cao ốc, văn phòng cho thuê;
- * Đào tạo, dạy nghề;
- * Dịch vụ quản lý môi trường;
- * Đầu tư tài chính vào các công ty khác;

* Mua bán, cho thuê kho bãi và nhà xưởng;

* Các ngành nghề khác phù hợp với năng lực của công ty và được pháp luật cho phép.

Tại thời điểm 31/03/2010, Công ty Phát triển KCN Biên Hòa đã góp vào Công ty CP Cảng Đồng Nai là 2.623.950 cổ phần chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ.

4.2 Công ty con:

Không có.

4.3 Công ty liên doanh, liên kết (Đơn vị: triệu đồng):

ST T	Tên công ty liên doanh/liên kết	Thông tin công ty liên doanh/liên kết	Vốn	Góp đến ngày 31/12/2009	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	- Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 4703000128. - Đ/c: Cảng Gò Dầu A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, Đồng Nai - ĐT: 061.817480 Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tang bến bãi; Bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng phương tiện ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải; Dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải...	5.550	1.665	30,00%
2	Công ty CP DV Hàng Hải Đồng Nai	Giấy Chứng nhận ĐKKD số 3600677399 đăng ký thay đổi lần đầu ngày 11/05/2004 và thay đổi lần thứ 1 ngày 28/05/2009. - Đ/c: Cảng Gò Dầu B, xã Phước Thái, huyện Long Thành, Đồng Nai ĐT: 0903804297 Ngành nghề kinh doanh: lai dắt và hỗ trợ tàu cạ và dời cầu cảng. Bốc xếp hàng hóa. Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy, đường bộ. Đại lý giao nhận hàng hóa. Đại lý hàng hải. Nạo vét, xây dựng công trình đường thủy, đường bộ và dân dụng...	22.651,1	6.331,5	27,95%

Nguồn: Công ty CP Cảng Đồng Nai

5. Hoạt động kinh doanh:

Sản phẩm dịch vụ chính: khai thác cảng. Các sản phẩm và dịch vụ mà Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cung cấp bao gồm: khai thác cầu cảng, phao neo tàu; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi; dịch vụ giao nhận hàng hóa và những dịch vụ khác như: cung cấp điện, nước, lương thực, thực phẩm, xăng dầu, giải trí...

6. Kế hoạch phát triển kinh doanh:

- Tập trung nâng cấp và đầu tư mới để chuyển đổi cơ cấu kinh doanh hàng tổng hợp sang kinh doanh hàng container.
- Tăng cường năng lực quản trị kinh doanh trong đó quản trị nguồn nhân lực và quản trị về chiến lược trong kinh doanh là hết sức quan trọng đối với doanh nghiệp trong giai đoạn này.
- Đảm bảo huy động đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Mục tiêu chất lượng là nền tảng cho mọi hoạt động của Cảng Đồng Nai.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm liền trước năm đăng ký giao dịch:

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	2008	2009	% tăng giảm so với năm 2008
Tổng giá trị tài sản	196.573.420.263	220.587.292.868	12,22%
Doanh thu thuần	80.130.802.983	79.750.128.598	(0,48%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.454.799.956	32.480.360.447	(5,73%)
Lợi nhuận khác	1.596.761.299	954.570.230	(40,22%)
Lợi nhuận trước thuế	36.051.561.255	33.434.930.677	7,26%
Lợi nhuận sau thuế	32.851.831.743	30.918.582.355	(5,88%)
Cổ tức	25%	23%	(2%)

Nguồn: BCKT 2008 và 2009 Công ty CP Cảng Đồng Nai.

8. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

Thuận lợi:

- Đội ngũ Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty ổn định, tâm huyết, nỗ lực cống hiến vì sự thành công của Công ty.
- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự hỗ trợ về tín dụng từ các tổ chức tín dụng.
- Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhiều khu công nghiệp và nhiều doanh nghiệp đang hoạt động. Đây chính là nguồn khách hàng ổn định và đang được Công ty khai thác.

Khó khăn:

- Trong giai đoạn 2008 - đầu năm 2009, chỉ số giá tiêu dùng liên tục tăng cao trong ba quý đầu năm 2008 và suy giảm tăng trưởng kinh tế vào những tháng cuối năm khiến thu nhập thực tế giảm đáng kể.

Điều này khiến người tiêu dùng và doanh nghiệp thất chặt chi tiêu. Giá nhiên liệu biến động đến 11 lần. Giá xăng tăng lên cao nhất là 19.000 đồng / 01 lít (tăng trên 30%).

- Tỷ giá hối đoái biến động, làm tăng chi phí đầu tư phương tiện, các trang thiết bị, phụ tùng thay thế, sửa chữa.
- Một số cảng mới trong khu vực ra đời nên cạnh tranh trong lĩnh vực Cảng ngày càng gay gắt.
- Hạ tầng giao thông không thuận lợi cũng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Hiện tại, đường dẫn vào Cảng (cảng Long Bình Tân) vẫn còn nhiều bất cập, do đó ảnh hưởng đến hoạt động của các xe tải chở hàng.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được đánh giá là một Cảng có quy mô tương đối, có những ưu thế nhất định mà không phải doanh nghiệp nào cũng có được.

Về vị trí địa lý: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tọa lạc tại khu vực tứ giác kinh tế (Đồng Nai – Bình Dương – Vũng Tàu – Tp.HCM) được xem là năng động nhất nước. Nơi tập trung rất nhiều Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, với hàng ngàn doanh nghiệp lớn nhỏ trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về uy tín thương hiệu: với phương châm “Cung ứng cho khách hàng các dịch vụ tốt nhất”, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai với thương hiệu 20 năm trong ngành luôn nhận được sự tin nhiệm của khách hàng. Ngoài ra, với những đóng góp của mình cho sự phát triển kinh tế xã hội, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai còn nhận được những bằng khen, huân chương lao động hạng ba, hạng nhì, cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành trong và ngoài tỉnh.

Về tín nhiệm tài chính: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự tín nhiệm về tài chính của các định chế tài chính cũng như các đối tác làm ăn với Công ty.

Về nguồn nhân lực: Ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV Công ty có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong ngành, tâm huyết, gắn bó với Công ty, luôn nỗ lực cống hiến vì sự thành công của Công ty.

Triển vọng phát triển của ngành:

Thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam, cả nước hiện có 24 địa phương có cảng biển với 126 bến cảng và 266 cầu cảng, tổng chiều dài cầu cảng đạt 35.439 m. Và dự báo mới nhất về hàng hoá thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam năm 2010 là 265 triệu tấn/năm, năm 2020 là 480 triệu tấn/năm. Do đó, theo Cục Hàng hải Việt Nam, mục tiêu đến năm 2010 sẽ đầu tư tăng năng lực của hệ thống cảng biển Việt Nam lên gấp 2 lần so với hiện nay và gấp 4 lần vào năm 2020 mới có thể thoả mãn được yêu cầu hàng hoá thông qua.

Theo quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu phát triển như sau:

- Phát triển đội tàu biển năm 2010 có tổng trọng tải đạt 4.445.000 DWT và định hướng đến năm 2020 đạt 7.100.000 DWT, từng bước trẻ hoá đội tàu đến năm 2010 đạt độ tuổi bình quân 16 tuổi và định hướng năm 2020 đạt 14 tuổi, đưa năng suất phương tiện vận tải bình quân đến năm 2010 đạt 16,7 T/DWT và định hướng đến năm 2020 đạt 20,0 T/DWT chú trọng phát triển đội tàu chuyên dụng đặc biệt là tàu dầu.
- Từng bước nâng cao tỷ lệ đảm nhận vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu đến năm 2010 là 25%

(hiện tại là 15%) định hướng đến năm 2020 là 35%, tỷ lệ đảm nhận hàng hoá vận tải biển nội địa đạt 100%, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải bằng đường biển.

Và theo Cục hàng hải, định hướng phát triển cảng biển đến năm 2010 như sau:

- Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hoá các cảng hiện hữu, đầu tư hợp lý và đạt hiệu quả khai thác cao, tương đương năng suất các nước trong khu vực.
- Phát triển các cảng có khả năng thông qua khối lượng hàng hoá 200 triệu tấn/năm. Xây dựng cảng nước sâu để có khả năng tiếp nhận các tàu container, hàng rời .v.v...có tổng trọng tải tới 50.000 - 80.000 DWT.
- Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ thông tin quản lý điều hành.
- Xây dựng cảng thuyền tàu tại vị trí phù hợp.
- Đầu tư xây dựng, hiện đại hoá hệ thống đài thông tin duyên hải, hệ thống báo hiệu hàng hải, hệ thống tìm kiếm cứu nạn trên biển, hệ thống phòng chống tràn dầu trên cảng biển.

Theo thống kê thì khoảng 90% khối lượng hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trong toàn quốc, do đó ngành vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Dự kiến trong những năm tới lượng hàng hoá xuất nhập khẩu của nước ta sẽ tăng với tốc độ cao, đặc biệt là lượng hàng hoá xuất nhập khẩu với các nước trong khu vực bởi thuế suất được cắt giảm mạnh theo lộ trình đã cam kết. Bên cạnh đó, việc gia nhập WTO của Việt Nam cũng là nhân tố quan trọng thúc đẩy xuất nhập khẩu. Khối lượng hàng hoá thông qua cảng biển của Việt Nam dự báo đến năm 2010 đạt khoảng 265 triệu tấn, tốc độ phát triển trong ngành vận tải biển là khá cao, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành vươn lên theo hướng mở rộng đầu tư gia tăng năng lực dịch vụ và khai thác thị trường.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới: Ngành vận tải nói chung và đặc biệt là vận tải đường dài nói riêng là cốt lõi cho sự phát triển của nền kinh tế. Việc phát triển ngành vận tải thủy ngày càng hiện đại và văn minh là bước đi không thể thiếu trong chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai.

10. Chính sách đối với người lao động:

10.1. Số lượng CBCNV:

Tính đến thời điểm 30/11/2009, tổng số lao động kể cả thuê ngoài của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai là 253 người (không bao gồm các công ty liên doanh, liên kết).

10.2. Chính sách lương:

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai định hướng thực hiện công tác tiền lương theo công việc, trên cơ sở trình độ, kỹ năng, thái độ và kết quả công việc của người lao động. Thiết kế và áp dụng các công cụ xác định giá trị công việc, kết quả làm việc của CBCNV, bên cạnh việc cập nhật thường xuyên cung cầu trên thị trường lao động và các ưu tiên phát triển chiến lược của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai để vận dụng nhiều hình thức như: lương thời gian, lương sản phẩm, lương khoán, lương thời gian kết hợp doanh số...Đồng thời, Công ty luôn tuân thủ và triệt để áp dụng nguyên tắc “kết hợp tối ưu quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư, công ty và người lao động”. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai luôn tạo cơ hội khuyến khích CBCNV tăng thêm thu nhập trên cơ sở làm gia tăng lợi nhuận của Công ty và gia tăng năng lực, đóng góp của mỗi CBCNV. Không khống chế mức thưởng hay thu nhập tối đa cho CBCNV.

Công ty có chế độ ưu đãi kích thích những người lao động giỏi, hoàn thành xuất sắc công việc và những người tích cực bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Việc tăng lương đột xuất áp dụng cho những trường hợp CBCNV được thăng chức, có kết quả hoàn thành công việc xuất sắc, được khen thưởng và nâng cao kỹ năng, trình độ năng lực.

10.3. Chế độ phụ cấp:

Tùy theo từng vị trí công việc thực hiện, ngoài tiền lương, tiền cơm giữa ca thì CBCNV còn được hưởng các phụ cấp: phụ cấp trách nhiệm cộng thêm, phụ cấp độc hại, phụ cấp tiền xăng, chế độ công tác phí...

10.4. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN:

Tất cả CBCNV đều được đảm bảo tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

10.5. Chế độ khen thưởng:

Ngoài việc khen thưởng định kỳ, công ty còn thưởng đột xuất cho các trường hợp CBCNV có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm chi phí mang lại hiệu quả hoạt động tốt cho Công ty.

10.6. Chế độ phúc lợi, chế độ phụ cấp vào các dịp Lễ, Tết và sự kiện quan trọng:

Đối với các trường hợp CBCNV có thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản hoặc trong thời gian điều trị do tai nạn lao động (có xác nhận của cơ quan BHXH hoặc Cơ quan Y tế) thì ngoài các chế độ do cơ quan BHXH chi trả, CBCNV còn được Công ty chi trợ cấp theo quy định của Công ty để hỗ trợ, chia sẻ và thể hiện sự quan tâm đến từng mỗi CBCNV.

Hàng năm vào các ngày Lễ Tết hoặc ngày sinh của CBCNV, Công ty có các chính sách quà tặng bằng vật chất hoặc bằng tiền cho CBCNV, hỗ trợ xe, tặng tiền mặt cho CBCNV trong các trường hợp kết hôn, CBCNV nữ sinh con hoặc khi nằm điều trị bệnh, cấp phát trang phục làm việc và tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm.

11. Chính sách cổ tức:

Mục tiêu phấn đấu của Ban lãnh đạo Công ty là đưa mức cổ tức chia cho cổ đông bằng hoặc cao hơn lãi suất ngân hàng. Cổ tức năm 2008 đã trả hết 25% bằng tiền mặt. Cổ tức năm 2009 là 23% trong đó 15% bằng tiền mặt đã trả và 8% còn lại bằng tiền mặt sẽ được chi trả sau khi Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2010 thông qua ngày 27/04/2010. Kế hoạch mức chia cổ tức năm 2010 là 15%.

12. Tình hình hoạt động tài chính:

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản (năm 2008 và 2009):

- Trích khấu hao TSCĐ: Công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 12/12/2003.
- Mức lương bình quân: đạt trên 7.201.000 đồng/người/tháng.
- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: Công ty luôn thanh toán nợ đúng hạn.
- Các khoản phải nộp theo luật định: Nộp đúng theo quy định hiện hành.
- Trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và Quy định pháp luật hiện hành.
- Tổng dư nợ vay đến ngày 31/12/2008 và 31/12/2009:

DƯ NỢ VAY	31/12/2008	31/12/2009
I. Nợ ngắn hạn	23.458.991.603	20.325.253.913

DƯ NỢ VAY	31/12/2008	31/12/2009
1. Vay và nợ ngắn hạn	0	0
1.1. Vay ngân hàng	0	0
1.2. Vay các tổ chức, cá nhân khác	0	0
1.3. Vay dài hạn đến hạn trả	0	0
1.4. Nợ thuê tài chính đến hạn trả	0	0
II. Nợ dài hạn	18.804.203.743	32.017.003.794
1. Vay và nợ dài hạn	18.628.103.737	31.745.350.888
1.1. Vay ngân hàng	0	14.716.458.590
1.2. Vay các tổ chức, cá nhân khác (đối tác khách hàng)	18.628.103.737	17.028.892.298
1.3. Nợ dài hạn thuê tài chính	0	0

(Công ty không có nợ quá hạn, hay nợ không có khả năng thu hồi.)

Nguồn: BCKT 2008 và 2009 Công ty CP Cảng Đồng Nai

– Tình hình công nợ hiện nay:

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
A	Công nợ phải thu		
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	12.352.641.655	11.396.237.508
1	Phải thu khách hàng	9.688.058.677	8.136.996.506
2	Trả trước cho người bán	2.046.136.190	2.440.176.284
3	Các khoản phải thu khác	638.006.613	1.044.698.572
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(19.559.825)	(225.633.854)
II	Các khoản phải thu dài hạn		
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	0	0
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	0	0
3	Phải thu nội bộ dài hạn	0	0
B	Công nợ phải trả		
I	Nợ ngắn hạn	23.458.991.603	20.325.253.913
1	Vay và nợ ngắn hạn	0	0
2	Phải trả người bán	10.090.846.662	6.314.177.183

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
3	Người mua trả tiền trước	5.599.248.588	3.827.431.562
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.281.300.619	2.532.521.800
5	Phải trả người lao động	4.162.418.054	3.682.403.141
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.325.177.680	3.968.720.227
II	Nợ dài hạn	18.804.203.743	32.017.003.794
1	Vay và nợ dài hạn	18.628.103.737	31.745.350.888
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	176.100.006	271.652.906
3	Dự phòng phải trả dài hạn	0	0

Nguồn: BCKT 2008 và 2009 Công ty CP Cảng Đồng Nai

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2009	NĂM 2008
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	83,73%	65,86%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	16,27%	34,14%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	23,73%	21,50%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	76,27%	78,50%
	- Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,31	0,28
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,77	2,86
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,76	2,86
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	15,16%	18,34%
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	41,92%	18,34%
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn cổ phần	%	64,99%	44,99%

13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

13.1. Danh sách Hội đồng quản trị :

Ông Nguyễn Mạnh Tiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/08/1949
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1967 – T06/1973 Cán bộ kỹ thuật Cục Vận tải ô tô Hà Nội (Bộ Giao thông vận tải).
 - T07/1973 – T06/1979 Sinh viên Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.
 - T07/1979 – 1980 Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp Xí nghiệp ô tô số 1 – Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
 - 1981 – T6/1989 Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
 - T7/1989 – 2005 Giám Đốc Cảng Đồng Nai.
 - 2006 – T10/2009 Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
 - T11/2009 – Nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Số cổ phần nắm giữ: 68.740 cổ phần
- Tỷ lệ: 1,3361% vốn điều lệ
- Những người có liên quan: Số cổ phần nắm giữ:
 - Nguyễn Thị Thuần (vợ) 61.950 cổ phần (1,2041%)
 - Nguyễn Thị Hồng Hạnh (con) 1.000 cổ phần (0,0194%)
 - Nguyễn Thị Thu Hiền (con) 3.000 cổ phần (0,0583%)
 - Nguyễn Thị Thu Hà (con) 10.180 cổ phần (0,1979%)
 - Ngô Dương Phú (con) 2.780 cổ phần (0,0540%)
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch: Không

Ông Đỗ Văn Sâm - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/05/1959
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy
- Quá trình công tác:
 - 1982 – 1989 Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
 - 1989 – 1996 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai.
 - 1997 – 2000 Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Cảng Đồng Nai.
 - 2000 – 2005 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.
 - 2006 – Nay Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Số cổ phần nắm giữ: 538.340 cổ phần
- Tỷ lệ:
 - Trong đó:
 - Đại diện pháp nhân Công ty phát triển KCN Biên Hòa* 514.500 cổ phần (10%)
 - Cá nhân* 23.840 cổ phần (0,4634%)
- Những người có liên quan:
 - Nguyễn Thị Ngọc (vợ) Số cổ phần nắm giữ: 9.530 (0,1852%)
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch Không

Ông Phan Trọng Dũng – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/12/1966
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai.
 - 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại doanh nghiệp Đồng Nai.
 - 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh

ngiệp Đồng Nai.

- 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.
- 2/2006 – Nay Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.

- Số cổ phần nắm giữ: 192.710 cổ phần
- Tỷ lệ: 3,7456% vốn điều lệ
- Trong đó:
 - Đại diện pháp nhân Quỹ đầu tư phát triển* 192.710 cổ phần (3,7456%)
 - Cá nhân* 0 cổ phần (0%)
- Những người có liên quan: Không có
- Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch: Không

Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/06/1958
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1978 – 04/1986 Kế toán trưởng Xí nghiệp Vận tải ô tô số 1 – Bà Rịa – Vũng Tàu.
 - 05/1986 – 05/1989 Kế toán Tổng hợp Công ty Vận tải Hàng hóa Đồng Nai.
 - 06/1989 – 2005 Kế toán trưởng Cảng Đồng Nai.
 - 2006 – 10/2009 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
 - 11/2009 – nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Số cổ phần nắm giữ: 533.190 cổ phần
- Tỷ lệ: 10,3633% vốn điều lệ
- Trong đó:

Đại diện pháp nhân Công ty 514.500 cổ phần (10%)
Phát triển KCN Biên Hòa

Cá nhân 18.690 cổ phần (0,3633%)

- Những người có liên quan: Không có
Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch Không

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/08/1970
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế.
Kỹ sư Kinh tế Vận tải Thủy bộ
- Quá trình công tác:
 - 1990 – 1995 Sinh viên Trường ĐH Giao thông Vận tải TP.HCM.
 - 1995 – 1996 Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng Đồng Nai.
 - 1996 – 04/1998 Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai.
 - 04/1998 – 12/1998 Cán bộ phụ trách phòng thương vụ Cảng Đồng Nai.
 - 12/1998 – 2000 Phó phòng thương vụ Cảng Đồng Nai.
 - 2000 – 2005 Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai.
 - 2006 – 08/2007 Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
 - 09/2007 – 08/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
 - 09/2009 – nay trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Khai thác container Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Số cổ phần nắm giữ: 23.450 cổ phần
- Tỷ lệ: 0,4558% vốn điều lệ
- Những người có liên quan:
Lê Thị Phương Thảo (vợ) Số cổ phần nắm giữ: 6.300 (0,1224%)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch Không

13.2. Danh sách Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Hanh – Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 03/02/1976
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
Thạc sĩ Kế toán Quốc tế
- Quá trình công tác:
 - 11/1997-03/2001 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
 - 04/2001- 03/2004 Nhân viên kế toán Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển Bình Dương.
 - 04/2004- 09/2004 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
 - 10/2004- 08/2005 Kế toán trưởng XN Phát triển Nhà Sonadezi - Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
 - 09/2005-12/2007 Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
 - 01/2008- 05/2009 Kế toán trưởng XN Dịch vụ KCN Sonadezi – Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
 - 06/2009 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Phát triển KCN Biên hòa. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Số cổ phần nắm giữ: 514.500 cổ phần
- Tỷ lệ:
Trong đó:
 - Đại diện pháp nhân Công ty Phát triển KCN Biên Hòa* 514.500 cổ phần (10%)
 - Cá nhân* 0 cổ phần (0%)
- Những người có liên quan:
 - Võ Thị Trung (mẹ) Số cổ phần nắm giữ: 5.000 (0,0972%)
 - Nguyễn Trung Hiếu (em) Số cổ phần nắm giữ: 1.100 (0,0214%)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch Không

Ông Phạm Văn Huy – Thành viên BKS

- Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/01/1967
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận hành máy
- Quá trình công tác:
 - 1985 – 1988: Đi nghĩa vụ quân sự tại QK 5
 - 1988 – 1993: Sinh viên tại Trường ĐH Hàng Hải Hải Phòng
 - 1993 – 1998: Thuyền viên tại Công ty Lương thực TW3
 - 1998 – 5/1999: Nhân viên Điều độ phân Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
 - 6/1999 – 6/2000: Phụ trách ban điều độ phân Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
 - 7/2000 – 12/2005: Trưởng ban Điều độ nay là Ban khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
 - 12/2005 – 7/2009: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
 - 8/2009 – nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
- Số cổ phần nắm giữ: 22.570 cổ phần
- Tỷ lệ:
 - Trong đó:
 - Đại diện pháp nhân* 0 cổ phần (0%)
 - Cá nhân* 22.570 cổ phần (0,44%)
- Những người có liên quan:
 - Phạm Thị Thu Thủy (chị) Số cổ phần nắm giữ: 12.810 (0,25%)
 - Phạm Thị Thu Hương (em) Số cổ phần nắm giữ: 12.810 (0,25%)
 - Bùi Văn Cang (anh) Số cổ phần nắm giữ: 12.810 (0,25%)

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch Không

13.3. Danh sách Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Bạch Mai – Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 21/06/1961
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế vận tải
- Quá trình công tác:
 - 1987 – 1989 Kỹ sư Ban quản lý dự án Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
 - 1989 – 12/1999 Phó Giám đốc Cảng Đồng Nai.
 - 1/2000 – 11/2006 Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
 - 11/2006 – 3/2008 Chuyên viên chính Văn phòng UBND Tỉnh Đồng Nai.
 - 3/2008 – 10/2009 Phó ban Dự án Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
 - 11/2009 – nay Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.080.450 cổ phần
- Tỷ lệ:
Trong đó:
 - Đại diện pháp nhân Công ty Phát triển KCN Biên Hòa* 1.080.450 cổ phần (21,00%)
 - Cá nhân* 0 cổ phần (0%)
- Những người có liên quan:
 - Nguyễn Long Bôn (chồng) Số cổ phần nắm giữ: 5.250 (0,1020%)
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch Không

Ông Đỗ Văn Sâm - Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

(Chi tiết xem ở Mục 13.1: Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị)

Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Phó Tổng Giám đốc Tài chính

(Chi tiết xem ở Mục 13.1: Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị)

13.4 Kế toán trưởng:

Bà Vòng Thị Thúy Phương – Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/12/1960
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - T12/1978 – T4/1986 Nhân viên kế toán Xí nghiệp Công ty Hợp doanh Bà Rịa – Vũng Tàu.
 - T5/1986 – T10/1991 Nhân viên kế toán Công ty Vận tải Hàng hóa Đồng Nai.
 - T11/1991 – T11/1998 Nhân viên Phòng kế toán – Tài vụ Cảng Đồng Nai.
 - T12/1998 – T10/2009 Phó phòng Kế toán – Tài vụ Cảng Đồng Nai nay là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
 - T11/2009 – Nay Kế toán Trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Số cổ phần nắm giữ: 10.560 cổ phần
- Tỷ lệ: 0,2052% vốn điều lệ
- Những người có liên quan:
 - Nguyễn Văn Quý (chồng) Số cổ phần nắm giữ: 3.300 (0,0641%)
 - Vòng Thị Thúy Mai (em) Số cổ phần nắm giữ: 28.960 (0,5629%)
 - Vòng Anh Tuấn (em) Số cổ phần nắm giữ: 1.470 (0,0286%)
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức đăng ký giao dịch Không

14. Tài sản:

Tài sản cố định

Các tài sản chính của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009 trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán.

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại tính đến 31/12/2009
1	Nhà cửa vật kiến trúc	136.773.553.322	58.088.177.425	78.685.375.897
2	Phương tiện vận tải	21.582.249.005	8.956.945.385	12.625.303.620

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại tính đến 31/12/2009
3	Máy móc thiết bị	2.762.993.159	637.010.360	2.125.982.799
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.336.051.256	547.206.587	788.844.669
5	TSCĐ hữu hình khác	207.731.725	195.362.542	12.369.183
Tổng cộng		162.662.578.467	68.424.702.299	94.237.876.168

Nguồn: BCKT 2009 Công ty CP Cảng Đồng Nai

Ghi chú: Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.210.190.982 đồng.

Các loại tài sản vô hình của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009.

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại tính đến 31/12/2009
1	Quyền sử dụng đất	1.818.363.207	1.606.608.287	211.754.920
2	Phần mềm máy vi tính	109.600.000	65.257.449	44.342.551
3	TSCĐ vô hình khác	18.000.000	14.400.000	3.600.000
Tổng cộng		1.945.963.207	1.686.265.736	259.679.471

Nguồn: BCKT 2009 Công ty CP Cảng Đồng Nai

Tình hình sử dụng đất đai:

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m ²)	Hiện trạng sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Cảng Đồng Nai - Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	56.409	Khai thác cảng	50 năm (đến ngày 15/10/2043)
2	Cảng Gò Dầu A – Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	167.383	Khai thác cảng	50 năm (đến ngày 03/10/2047)
3	Cảng Gò Dầu B – Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	224.467	Khai thác cảng	50 năm (đến ngày 10/04/2047)
Tổng cộng		448.259		

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo:

- Tập trung nâng cấp và đầu tư mới để chuyển đổi cơ cấu kinh doanh hàng tổng hợp sang kinh doanh hàng container.

- Tăng cường năng lực quản trị kinh doanh trong đó quản trị nguồn nhân lực và quản trị về chiến lược trong kinh doanh là hết sức quan trọng đối với doanh nghiệp trong giai đoạn này.
- Đảm bảo huy động đủ nguồn vốn với chi phí thấp nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- Mục tiêu chất lượng là nền tảng cho mọi hoạt động của Cảng Đồng Nai.

Kế hoạch năm 2010 đề ra so với năm 2009:

Chỉ tiêu	Năm 2010	
	Số liệu	% tăng giảm so với năm 2009
Vốn điều lệ	82.320	60%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	86.000	7,8%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	25.600	(17,20%)
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	29,77%	(8,23%)
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	31,10%	(28,99%)
Cổ tức (%)	15%	(8%)

Nguồn: Công ty CP Cảng Đồng Nai

Căn cứ đề ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

- Năm 2010, nền kinh tế sau khủng hoảng còn rất nhiều khó khăn, lượng hàng hóa xuất khẩu giảm nhiều so với năm 2009.
- Đối với dự án Long Bình Tân: hai loại mặt hàng chính mà cảng có lợi thế về năng suất xếp dỡ và vị trí địa lý đó là hàng rời chiếm sản lượng qua cảng khoảng 70% của toàn cảng, phù hợp với trang thiết bị, máy xếp dỡ của Công ty hiện nay và mặt hàng thứ 2 là container. Công ty có kế hoạch khai thác hàng container dự kiến sản lượng là 20.000 TEU, doanh thu là 23 tỷ đồng trong năm 2010.
- Đối với cảng Gò Dầu A và cảng Gò Dầu B: Tăng cường năng lực xếp dỡ hàng hóa cho khu vực cảng Gò Dầu A,B đặc biệt là loại hàng rời năng suất cao, giá thành thấp, chiếm tỉ lệ khoảng 50% sản lượng của khu vực Gò Dầu A,B. Và để chủ động trong điều hành và khai thác nguồn hàng rời có ưu thế như trên Công ty sẽ đầu tư 01 cần cẩu 100 tấn khung bánh lốp để đảm nhận khối lượng hàng rời này và cơ động trong việc điều động tác nghiệp giữa 2 cảng Gò Dầu A và cảng Gò Dầu B.

Các giải pháp Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai sẽ thực hiện nhằm đạt được kế hoạch đã đề ra:

❖ Công tác điều hành khai thác kinh doanh

- Lập kế hoạch sản xuất và biện pháp thực hiện kế hoạch ngay từ đầu năm.
- Công khai minh bạch trong quá trình quản lý sản xuất, có quy chế và biện pháp thực hiện quy chế sản xuất.
- Có chính sách quan tâm và giá cước hợp lý để đảm bảo tính cạnh tranh và thu hút khách hàng.
- Đầu tư đổi mới công nghệ, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật.
- Đầu tư thêm thiết bị và dụng cụ làm hàng; quản lý và bảo dưỡng tốt trang thiết bị để tăng hiệu suất của trang thiết bị và nâng cao năng suất xếp dỡ, rút ngắn thời gian làm hàng.

- Hoàn thiện qui trình bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị xếp dỡ và đánh giá lựa chọn nhà cung cấp phụ tùng, dịch vụ sửa chữa để nâng cao giờ máy móc xếp dỡ hoạt động tốt nhằm tăng suất và hạn chế tối đa thời gian phương tiện chờ sửa chữa.
- Tăng cường tổ chức thực hiện các dịch vụ của cảng, đáp ứng nhu cầu khách hàng. Chọn các nhà thầu cung cấp dịch vụ có năng lực và giá cả có tính cạnh tranh cao. Từng bước nâng cao chất lượng và sản phẩm dịch vụ của cảng, xây dựng thương hiệu của cảng để tăng thị phần.
- Tăng cường công tác marketing, áp dụng quản lý sản xuất theo công nghệ mới nhằm thu hút khách hàng. Xây dựng chính sách khuyến mãi, hoa hồng và thưởng cho khách hàng, có phân loại khách hàng. Cải cách thủ tục giao nhận hàng tại cảng để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng.
- Thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng, để tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích của nơi nhận hàng.
- Rà soát các loại mẫu biểu chứng từ và thiết lập qui trình giao nhận hàng hóa nhằm đơn giản hóa qui trình giao nhận hàng, đồng thời để giảm bớt thời gian chờ đợi của khách hàng, giảm tối thiểu các bước làm thủ tục thanh toán cho các nhà cung ứng dịch vụ với mục tiêu sử dụng chung một loại mẫu nhưng thể hiện nhiều công dụng, tránh tình trạng xác nhận nhiều lần cho một loại chứng từ.

1. Khu vực Long Bình Tân

- Tập trung khai thác tuyến thủy nội địa từ cảng Đồng Nai đi sông Thị Vải và Soài Rạp; tuyến đường bộ triển khai đường chui qua cầu Đồng Nai đầu nối thẳng vào cảng Đồng Nai; sau đó sẽ mở rộng khu vực Long Bình Tân theo quy hoạch và đầu nối cảng với Quốc lộ 51.
- Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty để tăng trưởng thị phần hàng hóa qua cảng là phải tăng cường công tác tiếp thị, hỗ trợ khách hàng trong quá trình giao nhận hàng hóa cũng như giải quyết vướng mắc và tư vấn cho khách hàng chọn lựa phương thức vận tải để giảm chi phí và thuận tiện cho khách hàng.
- Tiếp tục nghiên cứu và phân loại khách hàng, cùng với việc thăm dò chính sách của các cảng là đối thủ cạnh tranh để xây dựng chính sách khách hàng của Công ty mang lại sự thỏa mãn khách hàng tốt hơn và đảm bảo quyền lợi của cổ đông cảng.

2. Cảng Gò Dầu A, B

- Nhằm khai thác triệt để việc quản lý tác nghiệp hàng hóa trong bãi một cách hiệu quả, năm 2010 Công ty sẽ có qui chế cụ thể để triển khai mức thu phí dịch vụ trong kho bãi để tăng thêm nguồn thu cho Công ty.

❖ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Triển khai xây dựng bãi, mở rộng bãi chứa container và đường vào cảng Đồng Nai khu vực Long Bình Tân. Điền bù 15,7 ha ở cảng Gò Dầu B, từng bước đầu tư hoàn chỉnh cảng Gò Dầu B cho tàu 30.000 DWT. Đầu tư hoàn chỉnh cảng Gò Dầu A. Từng bước triển khai dự án cảng Tổng hợp Gò Dầu.
- Năm 2010, các công trình trọng điểm mà Công ty đang nỗ lực để triển khai nhanh chóng đáp ứng nhu cầu khai thác hàng container tại Long Bình Tân :
 - Phải hoàn thành tuyến đường đầu nối đường chui cầu Đồng Nai- Cảng Đồng Nai trước tháng 6/2010.

- Hoàn thiện hệ thống bãi chứa container chuyển tiếp từ năm 2009 sang năm 2010.
- Thi công bãi đá 15.000m² để làm depot container rỗng.
- Tiếp tục đền bù mở rộng nhằm tăng năng lực bãi chứa hàng container giai đoạn 2 cảng Đồng Nai.
- Triển khai đền bù 15,7 ha khu vực Gò Dầu B phục vụ hàng thiết bị nặng và than, bột aluminum.
- Giám sát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình khai thác, hạn chế thấp nhất các công trình dở dang kéo dài ảnh hưởng kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí do biến động giá cả vật tư...
- Xúc tiến mạnh mẽ công tác đền bù và xây lắp mặt bằng các dự án đã được duyệt để đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh.

❖ **Công tác tài chính**

- Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 51 tỷ đồng lên 82 tỷ đồng để niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh .
- Tạo nguồn vốn để đầu tư có hiệu quả, mở rộng thị trường. Có kế hoạch sử dụng vốn, vòng quay vốn có hiệu quả.
- Theo dõi sát tình hình biến động tài chính của khu vực và thế giới để kịp thời đưa ra phương án giảm thiểu rủi ro do tác động của tỉ giá hối đoái khi trả nợ bằng ngoại tệ.
- Xây dựng qui chế tài chính đảm bảo thu hồi nợ nhanh và sử dụng nguồn phải trả cho khách hàng một cách linh hoạt và hiệu quả, để tranh thủ nguồn vốn này cho quá trình đầu tư kinh doanh.
- Xây dựng chiến lược khấu hao các công trình, thiết bị phù hợp với vòng đời của dự án, của từng sản phẩm dịch vụ để tạo được sức cạnh tranh về giá thành với các đối thủ.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, thường xuyên theo dõi, phân tích, đánh giá các dữ liệu tài chính để đưa ra những quyết định về chính sách đầu tư, danh mục đầu tư mang tính cấp thiết và lâu dài nhằm hạn chế sự đầu tư dàn trải khó phát huy hiệu quả của đồng vốn.
- Kiểm tra giám sát hoạt động tài chính, kế toán đảm bảo việc tuân thủ chính sách của Công ty.
- Thiết lập và quan hệ với Ngân hàng, các quỹ đầu tư để có hình thức huy động vốn phù hợp với cơ cấu nguồn vốn của Công ty để đủ nguồn vốn đưa vào đầu tư và khai thác kịp thời công trình và thiết bị.
- Phân tích, đánh giá hiệu quả đầu tư vào các công ty liên kết, các hạng mục công trình đã đưa vào khai thác, phân tích hiệu quả kinh tế các hợp đồng vay vốn của đối tác nước ngoài và định hướng cho việc tái đầu tư hoặc chuyển hướng kinh doanh khác.

❖ **Công tác Nhân sự**

- Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp kiện toàn và xây dựng tổ chức bộ máy hoạt động có hiệu quả theo cơ chế mới và phù hợp với giai đoạn hội nhập và phát triển.
- Có quy trình tuyển dụng nhân viên; sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Công ty và nhân sự cho phù hợp với việc chuyển đổi công năng từ hàng bách hóa sang khai thác hàng container tại khu vực cảng Long Bình Tân. Đây là bước đột phá chuyển đổi công năng nhằm phân khúc thị trường theo tiêu chí

tập trung khai thác loại hàng có giá cước cao và xu hướng vận tải hàng hóa bằng container ngày càng phổ biến của ngành vận tải của thế giới.

- Luân chuyển cán bộ giữa các phòng ban nghiệp vụ và các cảng cho phù hợp với trình độ chuyên môn và nhu cầu thực tế đòi hỏi của Công ty.

❖ **Các hoạt động khác**

- Năm 2010, Công ty sẽ hoàn thiện phần trang web của cảng để tăng cường quảng bá hình ảnh Công ty qua mạng, đồng thời cung cấp đầy đủ các thông cần thiết phục vụ cho nhu cầu của cổ đông, khách hàng...
- Thiết lập qui chế phối hợp chặt chẽ với Hải quan, Cảng vụ, Công an cửa khẩu để tạo điều kiện thuận lợi cho thông quan hàng hóa nhanh chóng thúc đẩy tốc độ luân chuyển hóa qua cảng càng nhiều.
- Có chương trình nâng cao hình ảnh và xây dựng văn hóa Công ty.
- Xây dựng quy chế khen thưởng, thích hợp động viên khuyến khích CBCNV, tập thể có sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động tạo nguồn thu cho Công ty.
- Thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, công tác phúc lợi xã hội, chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên, tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện đối với ngành, địa phương.
- Chăm lo xây dựng tổ chức Đảng và các Đoàn thể vững mạnh, trong sạch.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán: Phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)/cổ phiếu
3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 5.145.000 cổ phần
4. Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 11.4 Điều 11 Điều lệ Công ty đối với các cổ đông là thành viên HĐQT và BKS bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng CK sở hữu
1	Nguyễn Mạnh Tiến	6/1 Phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai	68.740
2	Đỗ Văn Sâm	33/3Đ KP2, phường Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai	23.840
3	Nguyễn Thị Kim Chi	24A2, Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai	18.690
4	Nguyễn Ngọc Tuấn	482/10/28V, Nơ Trang Long, phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	23.450
5	Phạm Văn Huy	Cảng Gò Dầu B, C.ty CP Cảng Đồng Nai	22.570
	Tổng cộng		157.290

5. Phương pháp tính giá:

- Theo giá trị sổ sách trên Báo cáo kiểm toán ngày 31/12/2009:
 - Giá trị sổ sách cổ phần = Vốn chủ sở hữu / SLCP đang lưu hành
 - Giá trị sổ sách cổ phần = 166.474.229.464 đồng/ 5.145.000 cổ phần = 32.357 đồng/cổ phần.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg.

Hiện tại tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài tại Công ty là 0% vốn điều lệ.

7. Các loại thuế có liên quan

a. Đối với Công ty

- Thuế suất thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (TNDN) hiện hành đang áp dụng là 25%.

- Ngoài ra, Công ty cũng được ưu đãi về thuế TNDN khi mới thành lập và đầu tư vào ngành nghề thuộc lĩnh vực quy định tại danh mục A phụ lục kèm theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP bao gồm: đầu tư xây dựng mới, hiện đại hóa sân bay đến cảng..., phát triển vận tải công cộng (đầu tư phương tiện vận tải đường sắt, đường biển...) và dịch vụ hàng hải, hàng không ..., cụ thể như sau:

- Được miễn thuế TNDN 100% cho 2 năm (2006 – 2007).
- Được giảm 50% cho 3 năm tiếp theo tính từ năm 2008 – 2010.
- Ưu đãi về thuế suất thuế TNDN: doanh nghiệp được áp dụng thuế suất 20% tính từ năm 2006 – 2015.

- Thuế suất thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) hiện hành là 10%. Ngoài ra, thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung ứng nước cho tàu ... của Công ty là 5%.

b. Đối với nhà đầu tư

- Thuế TNCN liên quan đến chứng khoán: Theo qui định tại *Điều 3 Khoản 3 Điểm b, Khoản 4 Điểm b, Khoản 9, Khoản 10 Luật thuế TNCN*: thu nhập từ cổ tức, chuyển nhượng chứng khoán, nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán thuộc thu nhập chịu thuế TNCN

- **Đối với thu nhập từ cổ tức:** *Điều 7 Khoản 1 Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 hướng dẫn sửa đổi Thông tư 84/2008/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNCN và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN*: Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng chưa phải nộp thuế TNCN khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng cổ phiếu, cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.

Căn cứ để xác định số thuế TNCN phải nộp là giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng và thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì không phải nộp thuế TNCN.

Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì cá nhân nộp thuế theo mức thuế suất 0,1% trên giá thực tế chuyển nhượng hoặc theo mức thuế suất 20% trên chênh lệch giữa giá thực tế chuyển nhượng với mệnh giá hoặc giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán.

- **Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:** *Điều 16 Khoản 1 Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN*: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Khoản 2 Điều 17 Nghị định 100: Thuế suất áp dụng là 20% trên tổng thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư là cá nhân không cư trú tại Việt Nam, thuế suất áp dụng là 0,1% trên từng lần chuyển nhượng

- **Đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán:** *Mục II Điều 7.1.4 Thông tư 84/2008/TT-BTC*: thu nhập để tính thuế của chứng khoán là giá trị chứng khoán tại thời điểm chuyển quyền sở hữu.

Điều 7.2 Thông tư 84 thì Thuế suất áp dụng là 10%

- Thuế TNDN liên quan đến chứng khoán: *Điểm 1.2 Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 qui định chi tiết một số điều của Luật thuế TNDN*: Thu nhập từ

chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán của doanh nghiệp đã tham gia đầu tư chứng khoán cho một hoặc nhiều tổ chức cá nhân khác.

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Điểm 2.2 Thông tư 130: Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 25%.

Đối với tổ chức Việt Nam số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Thuế TNDN} & & \text{Thu nhập} \times \text{Thuế suất thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} & = & \text{tính thuế} \end{array}$$

Điều 1 Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và thuế TNDN đối với lĩnh vực chứng khoán: các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, các tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nộp thuế TNDN theo phương thức khoán: 0,1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.

- Qui định về giãn thời hạn nộp thuế TNCN: *Theo qui định tại Điều 1 Khoản 1, Điều 2 Khoản 1 Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế TNCN thì cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng được giãn nộp thuế TNCN từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/05/2009.*

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức đăng ký:

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Địa chỉ : Phường Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 84-61.3832225 Fax: 84-61.3831259

2. Tổ chức kiểm toán:

Công ty TNHH Kiểm Toán DTL

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P.Đakao, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 84-8.38275026 Fax: 84-8.38275027

3. Tổ chức cam kết hỗ trợ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

❖ Hội sở

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8.38242897 Fax: 84-8.38242997

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

❖ Chi nhánh Nguyễn Công Trứ (tại Thành phố Hồ Chí Minh)

92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84-8.38 218 567 Fax: 84-8.32 910 574

Biên Hòa, ngày 27 tháng 04 năm 2010
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN MẠNH TIẾN



NGUYỄN THỊ BẠCH MAI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



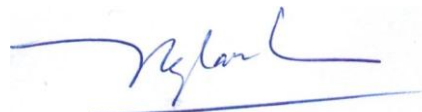
VÔNG THỊ THÚY PHƯỢNG

PHÓ TGĐ TÀI CHÍNH



NGUYỄN THỊ KIM CHI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN THỊ HẠNH

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



NGUYỄN HỒNG NAM



PHỤ LỤC

1. Giấy đăng ký giao dịch cổ phiếu;
2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
3. Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
4. Báo cáo tài chính năm 2007, 2008 và 2009 đã kiểm toán;
5. Các phụ lục khác *(nếu có)*.